

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1984 - 1987	Trợ lý Ban tài vụ	Trường sĩ quan tài chính Bộ Quốc phòng
1983 - 1984	Chuyên viên	Bộ Tài chính

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 140.729 cổ phần, tương ứng 0,004% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCD và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
2.364	1.773	140.729	+ Năm 2023: 0 + 9 tháng đầu năm 2024: 70.364.500 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.2. Danh Sách BKS

Bảng 37: Danh sách Thành viên BKS tại ngày 30/09/2024

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Hòa Bình	Trưởng BKS
2	Bà Lê Thanh Cẩm	Thành viên BKS
3	Ông Vũ Xuân Thủy Sơn	Thành viên BKS

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

10.2.1. Ông Phạm Hòa Bình – Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chuyên ngành Tài chính-Tín dụng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
05/2012 - nay	Trưởng BKS	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2009 – 2012	Thành viên BKS, Trưởng Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2006 – 2009	Trưởng Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2003 – 2006	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương, CN Cần Thơ
1991 – 2003	Phó Chánh thanh tra Chánh Thanh tra	Ngân hàng Nhà nước CN Cần Thơ
1990 – 1991	Nhân viên Phòng Tổng hợp-Quản lý tín dụng	Ngân hàng Nhà nước CN Cần Thơ

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 219.712 cổ phần, tương ứng 0,006% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
2.100	1.592	20.000	+ Năm 2023: 30.464 cổ phiếu + 9 tháng đầu năm 2024: 109.856.000 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.2.2. Bà Lê Thanh Cẩm – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1967
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2017 – nay	Thành viên Ban kiểm soát	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2013 – 2020	Phó Giám đốc Khối KTNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2009 – 2013	Phó Giám đốc Quản lý rủi ro; Giám đốc Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Hàng Hải
2007 – 2009	Giám đốc Khối KD tiền tệ ngoại hối; Giám đốc Quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP An Bình
1991 – 2007	Trưởng phòng KD ngoại tệ	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 80.000 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
1.260	955	80.000	+ Năm 2023: 0 + 9 tháng đầu năm 2024: 40.000.000 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.2.3. Ông Vũ Xuân Thủy Sơn – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1981
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng – Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/2022 - nay	Thành viên Ban kiểm soát	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2016 – 2022	Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2012 – 2016	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2011 – 2012	Phó Trưởng phòng Kiểm toán KSNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2011 – 2012	Phó Trưởng phòng KSNB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2010 – 2011	Quản trị viên	Ngân hàng TMCP Á Châu
2007 – 2010	Trưởng Bộ phận KTNB phía Bắc	Ngân hàng TMCP Á Châu
2004 – 2007	Kiểm toán viên	Ngân hàng TMCP Á Châu
2003 – 2004	Nhân viên Hỗ trợ tín dụng	Ngân hàng TMCP Á Châu

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 80.000 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
1.260	956	80.000	+ Năm 2023: 0 + 9 tháng đầu năm 2024: 40.000.000 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có.

10.3. Danh Sách Ban Tổng Giám Đốc Và Kế Toán Trưởng

Bảng 38: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng tại ngày 31/10/2024

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Ngô Thu Hà	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Ông Đỗ Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Đỗ Đức Hải	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Lưu Danh Đức	Phó Tổng Giám đốc
8	Bà Ngô Thị Vân	Kế toán Trưởng

Thông tin chi tiết của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng:

10.3.1. Bà Ngô Thu Hà - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem tại thông tin Thành viên HĐQT

10.3.2. Ông Đỗ Quang Vinh – Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Xem tại thông tin Thành viên HĐQT

10.3.3. Ông Đỗ Đức Hải - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1982
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2021 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBND	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia
2022 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm UBND	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Lào
2023 – 04/2024	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 - 2023	Giám đốc Khối Ngân hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2021 - 2023	Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 – 2023	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Vạn Phúc
2010 - 2012	Phó Giám đốc Giám đốc	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, CN Vạn Phúc
2008 - 2010	Phó phòng/Trưởng phòng phát triển kinh doanh	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Sở Giao dịch Hà Nội
2004 - 2008	Chuyên viên Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 177.849 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
2.679	2.363	177.668	+ Năm 2023: 27 cổ phiếu + 9 tháng đầu năm 2024: 88.924.500 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có.

10.3.4. Ông Lê Đăng Khoa - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
4/2009 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
12/2019 – 06/2023	Thành viên HĐQT	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
05/2019 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP In sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội
05/2014 - nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Bất động sản Lilama
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
03/2014 – 06/2024	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2007 – 3/2009	Giám đốc kinh doanh nguồn vốn và Ngoại hối	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2005 – 2006	Trưởng phòng kinh doanh Nguồn vốn và Ngoại hối	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2003 – 2005	Trưởng phòng kinh doanh Nguồn Vốn	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2000 – 2003	Chuyên viên phân tích tổng hợp và Chuyên viên nguồn vốn	Ngân Hàng TMCP Quốc tế
1995 – 2000	Chuyên viên Kế toán Tổng hợp	Công ty Nhiếp ảnh trung ương

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 176.270 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 53.584.806 cổ phần, tương ứng 1,463% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Hành năm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc: Không có

- o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
2.750	2.343	176.270	+ Năm 2023: 0 + 9 tháng đầu năm 2024: 88.135.000 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.5. Ông Nguyễn Huy Tài - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính tín dụng, Học viện Ngân hàng; Cử nhân Luật, ĐH Luật Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2013 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2009 – 2021 2021 – nay	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Hà Nội
2020 – 2023	Giám đốc Khối Quản lý và xử lý nợ có vấn đề	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 – 2009	Phó Giám đốc Trưởng phòng Giao dịch Ba Đình	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Hà Nội
2005 – 2007	Giám đốc Phòng giao dịch	Ngân hàng TMCP Bắc Á, CN Hà Nội, PGD Phương Mai

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2001 - 2005	Trưởng phòng Giao dịch	Ngân hàng TMCP Bắc Á, CN Hà Nội, PGD Phương Mai
01/2001 - 11/2001	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
1997 - 2000	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 176.270 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 600 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
2.333	1.919	176.270	+ Năm 2023: 0 + 9 tháng đầu năm 2024: 88.135.000 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.6. Bà Ninh Thị Lan Phương - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2016 – nay	Chủ tịch	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 – 2012	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2007 – 2008	Phó Trưởng phòng KTTK	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2003 - 2007	Trưởng phòng Kế toán	Ngân hàng Liên doanh Việt Thái TNHH
2001-2003	Phó Phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Hội sở chính
1997 –2001	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
1996 –1997	Nhân viên Kế toán	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 293.103 cổ phần, tương ứng 0,008% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
2.356	1.717	176.270	+ Năm 2023: 20.064 cổ phiếu + 9 tháng đầu năm 2024: 146.551.500 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.7. Ông Lưu Danh Đức - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Công nghệ thông tin
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2022 - nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2022 – 06/2024	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2022 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
03/2022-09/2022	Giám đốc CNTT	Tập đoàn T&T
2021 - 2023	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Công Nghệ Galaxy 1 – Tập đoàn Sovico
2021 - 2023	Giám đốc CNTT	Tập đoàn Sovico Group
2018 - 2020	Phó TGD kiêm trưởng ban CNTT	Tập đoàn SunGroup
2016 - 2018	Phó TGD kiêm Giám đốc kỹ thuật	Công ty TNHH thu phí tự động không dừng VETC
2015 - 2016	Trưởng ban công nghệ	Tập đoàn VinGroup

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2009 - 2015	Giám đốc Công nghệ - CIO	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2005 - 2009	Chuyên gia tư vấn cấp cao	Sugard System Access (Hoa Kỳ)
2002 - 2005	Tư vấn và trưởng nhóm phát triển sản phẩm	Huyn dai Information Technology (Hàn Quốc)
1994 - 2000	Nghiên cứu viên	Viện CNTT IOIT-Institute of information Technology
3/1998 – 11/1998	Lập trình viên	IACP – Informatique (Paris, Pháp)

- Số lượng chứng khoán tại SHB tại thời điểm 30/09/2024: 174.263 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 415.473.291 cổ phần, tương ứng 11,479% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc: Không có
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại SHB: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
2.431	1.810	174.263	+ Năm 2023: 0 + 9 tháng đầu năm 2024: 87.135.000 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.8. Bà Ngô Thị Vân – Kế toán Trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2014 - nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2012 - 2015	Trưởng phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Trung tâm kinh doanh
2012 - 2014	Phó Trưởng Ban tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
06/2012 - 12/2012	Phó Phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2010 - 2012	Phó Trưởng Phòng Kế toán Tài chính	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2008 - 2010	Tổ trưởng Tổ Tổng hợp Phòng Kế toán Tài chính	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
2006 - 2008	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2005 - 2006	Chuyên viên Kế toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
2002 - 2005	Kiểm soát viên	Công ty TNHH Denso VN

- Số lượng chứng khoán tại SIIB tại thời điểm 30/09/2024: 30.000 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại SHB: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với SHB:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và những người có liên quan của Kế toán Trưởng: Không có

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

- Thù lao và các lợi ích khác tại SIIB: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại SHB trong năm 2023 và 09 tháng đầu năm 2024 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
12 tháng năm 2023 (triệu Đồng)	09 tháng đầu năm 2024 (triệu Đồng)	ESOP (cổ phiếu)	Cổ tức
1.058	805	30.000	+ Năm 2023: 94 cổ phiếu + 9 tháng đầu năm 2024: 15.000.000 VND

- Các khoản nợ đối với SHB: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

11. Chính sách chi trả cổ tức

Việc chi trả cổ tức của SHB được quy định tại Điều lệ của SHB, cụ thể dựa trên các yếu tố sau:

- Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các Cổ đông tại ĐHĐCĐ.

Bảng 39: Tình hình chi trả cổ tức của SHB giai đoạn 2022 - 2024

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Hình thức chi trả
2021	15%	Bằng cổ phiếu
2022	18%	Bằng cổ phiếu
2023	16%	5% bằng tiền mặt và 11% bằng cổ phiếu

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, 2023 và 2024 của SHB

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

SHB thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi các trái phiếu đến hạn trong 03 (ba) năm liền trước năm chào bán và đến thời điểm hiện tại và không có nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch, số dư trái phiếu SHB đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 6.448,1 tỷ VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 0 VND
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 6.448,1 tỷ VND

Bảng 41: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2023	Giá trị tại 30/09/2024
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	-	-
	Từ 5 năm trở lên	2.448,1	2.448,1
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	-	4.000
	Từ 5 năm trở lên	-	-
Tổng		2.448,1	6.448,1

Nguồn: SHB

13.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 42: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 30/09/2024

STT	Nội dung	Số tiền (tỷ VND)
1	Chi phí thuê mặt bằng làm trụ sở làm việc của SHB (từ 01/01/2024 đến 30/09/2024)	205
2	Bất động sản là tài sản SHB đang sở hữu đến 30/09/2024	
	a) Nhà cửa, vật kiến trúc (nguyên giá)	643
	b) Quyền sử dụng đất (nguyên giá)	4.360

Nguồn: SHB

13.3. Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 43: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 30/09/2024

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
1	Bảo lãnh vay vốn	48
2	Cam kết giao dịch hối đoái	3.887
	Cam kết mua ngoại tệ	15
	Cam kết bán ngoại tệ	222
	Cam kết giao dịch hoán đổi	3.650
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	7.086
4	Bảo lãnh khác	15.831
5	Các cam kết khác	-

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SIIB

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.13 nêu trên, tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình, Tổ Chức Phát Hành không có phát sinh nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Bảng 44: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	9T/2024
Tổng giá trị tài sản	543.777	625.655	15,1%	682.096

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Vốn chủ sở hữu	42.677	49.873	16,9%	55.247
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	38.265	55.922	46,1%	33.645
Thu nhập lãi thuần	15.562	18.096	16,3%	12.217
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	707	449	-36,5%	521
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	131	281	114,5%	46
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	94	28	-70,2%	-24
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	10	100%	1
Lãi thuần từ hoạt động khác	628	411	-34,6%	672
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	27	738	2.633,3%	38
Chi phí hoạt động	3.759	4.679	24,5%	3.371
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	13.391	15.334	14,5%	10.101
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.852	6.175	60,3%	1.517
Lợi nhuận trước thuế	9.539	9.159	-4,0%	8.583
Lợi nhuận sau thuế	7.634	7.320	-4,1%	6.867
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	19,64%	15,82%	-3,8%	13,07%
Tỷ lệ trả cổ tức	18,0%	16,0%	-2,0%	-

Nguồn: SHB

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Bảng JS: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	9T/2024
Tổng tài sản	550.904	630.501	14,4%	688.387
Vốn chủ sở hữu	42.904	50.098	16,8%	55.751
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	40.774	57.589	41,2%	34.607
Thu nhập lãi thuần	17.550	19.285	9,9%	12.844
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	891	545	-38,8%	517
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	116	282	143,1%	48
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	93	28	-69,9%	-24
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	11	100,0%	1
Lãi thuần từ hoạt động khác	687	434	-36,8%	674
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	4	744	18500,0%	15
Chi phí hoạt động	4.392	5.052	15,0%	3.473
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	14.949	16.277	8,9%	10.602
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	5.260	7.038	33,8%	1.553
Lợi nhuận trước thuế	9.689	9.239	-4,6%	9.048
Lợi nhuận sau thuế	7.729	7.325	-5,2%	7.234
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	19,6%	15,75%	-3,8%	13,67%
Tỷ lệ trả cổ tức	18,0%	16,0%	-2,0%	-

Năm 2023, SIIB đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh, với kết quả ấn tượng của một số chỉ tiêu tài chính cơ bản. Cụ thể, tại ngày 31/12/2023, tổng tài sản hợp nhất của SHB đạt 630.501 tỷ VND, tăng 14,4% so với cuối năm 2022. Quy mô vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023 đạt 50.098 tỷ VND, tăng 16,8% so với thời điểm đầu năm 2023. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 2023 đạt 7.325 tỷ VND, giảm nhẹ 5,2% so với năm 2022.

Lợi nhuận của SIIB đạt kết quả tích cực là nhờ chi phí hoạt động hiệu quả, bao gồm chủ động tìm kiếm nguồn vốn ưu đãi hoặc chi phí thấp, cải thiện chất lượng quản trị rủi ro để giảm thiểu chi phí liên quan đến rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động, thúc đẩy quá trình tự động hóa và số hóa và đưa công nghệ tiên tiến vào quản trị Ngân hàng để cải thiện năng lực quản trị, cũng như sự gia tăng đáng kể thu nhập phí dịch vụ từ doanh thu dịch vụ thanh toán và tiền mặt.

Tại thời điểm 30/09/2024, tổng tài sản hợp nhất của SIIB đạt 688.387 tỷ VND, quy mô vốn chủ sở hữu đạt 55.751 tỷ VND. Lợi nhuận trước thuế 09 tháng đầu năm 2024 đạt 9.048 tỷ VND, hoàn thành 80,17% kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

b) Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Cơ cấu lãi thuần của SIIB bao gồm 2 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó, Thu nhập lãi thuần (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi tiền gửi, thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ) chiếm tỷ trọng cao trên 85%. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động nghiệp vụ như: nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ; nghiệp vụ ủy thác và tư vấn, đại lý bảo hiểm...) chiếm tỷ trọng 2-4%. Trong năm 2023, tỷ trọng thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt lần lượt 90,4% và 2,6%. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng.

Bảng 46: Cơ cấu lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/giảm	9T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	15.562	90,7%	18.096	90,4%	16,3%	12.217	90,7%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	707	4,1%	449	2,2%	-36,5%	521	3,9%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	131	0,8%	281	1,4%	114,5%	46	0,3%

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, mua bán đầu tư dài hạn khác	94	0,5%	38	0,2%	-59,6%	-24	-0,2%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	0,2%	738	3,7%	2.535%	38	0,3%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	628	3,7%	411	2,1%	-34,6%	672	5,0%
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	17.150	100%	20.013	100%	16,7%	13.470	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SIIB

Bảng 47: Cơ cấu lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/giảm	9T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	17.550	90,7%	19.285	90,4%	9,9%	12.844	91,3%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	891	4,6%	545	2,6%	-38,8%	517	3,7%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	116	0,6%	282	1,3%	143,1%	48	0,3%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác	93	0,5%	39	0,2%	-58,1%	-24	-0,2%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	4	0,0%	744	3,5%	18.500%	15	0,1%
Lãi thuần từ hoạt động khác	687	3,6%	434	2,0%	-36,8%	674	4,8%

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	19.341	100,0%	21.329	100%	10,3%	14.074	100%
--	---------------	---------------	---------------	-------------	--------------	---------------	-------------

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Trong giai đoạn 2021-2023, tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập hoạt động (CIR) của SHB có xu hướng giảm. Năm 2022 và 2023, CIR lần lượt đạt 22,7% và 23,2%, là ngân hàng kiểm soát tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập hoạt động tốt nhất toàn ngành.

Nguyên nhân là do ngân hàng kiểm soát chi phí hoạt động hiệu quả, bao gồm chủ động tìm kiếm nguồn vốn ưu đãi hoặc chi phí thấp, cải thiện chất lượng quản trị rủi ro để giảm thiểu chi phí liên quan đến rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động, thúc đẩy quá trình tự động hóa và số hóa và đưa công nghệ tiên tiến vào quản trị Ngân hàng để cải thiện năng lực quản trị.

Bảng 48: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9T/2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22.704	37.826	66,6%	21.428
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</i>	<i>59,33%</i>	<i>67,64%</i>		<i>63,69%</i>
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	225	298	32,4%	228
	<i>Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ</i>	<i>24,14%</i>	<i>39,89%</i>		<i>30,44%</i>
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	3.759	4.679	24,5%	3.371
	<i>Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động</i>	<i>21,92%</i>	<i>23,38%</i>		<i>25,03%</i>
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.852	6.175	60,3%	1.517
	<i>Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</i>	<i>28,77%</i>	<i>40,27%</i>		<i>15,02%</i>

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB

Bảng 49: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9T/2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23.224	38.304	64,9%	21.763

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9T/2024
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</i>	57,0%	66,51%		62,89%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	351	368	4,8%	256
	<i>Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ</i>	28,3%	40,31%		33,12%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	4.392	5.052	15,0%	3.473
	<i>Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động</i>	22,7%	23,69%		24,68%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	5.260	7.038	33,8%	1.553
	<i>Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</i>	54,3%	43,24%		14,65%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong cơ cấu chi phí hoạt động của SHB, chi phí nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất, chiếm 63,5% chi phí hoạt động năm 2022 và 66,9% chi phí hoạt động năm 2023. Chi phí hoạt động quản lý công vụ có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 14,9% năm 2022 và 12,8% năm 2023. Chi phí về tài sản có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động lần lượt là 11,4% năm 2022 và 11,1% năm 2023.

Bảng 50: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	2.253	59,9%	2.609	55,8%	15,8%	1.958	58,1%
Chi về tài sản	411	10,9%	513	11,0%	24,8%	405	12,0%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	44	1,2%	63	1,3%	43,2%	33	1,0%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	653	17,4%	1.074	23,0%	64,5%	601	17,8%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	319	8,5%	427	9,1%	33,9%	371	11,0%
Hoàn nhập/chi phí dự phòng rủi ro	79	2,1%	-7	-0,1%	-109%	3	0,1%

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Tổng chi phí hoạt động	3.759	100%	4.679	100%	24,5%	3.371	100%
-------------------------------	--------------	-------------	--------------	-------------	--------------	--------------	-------------

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB

Bảng 51: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9T/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	2.791	63,5%	2.945	58,3%	5,5%	2.077	59,8%
Chi về tài sản	499	11,4%	580	11,5%	16,2%	443	12,8%
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	50	1,1%	68	1,3%	36,0%	39	1,1%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	654	14,9%	1.036	20,5%	58,4%	540	15,5%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	319	7,3%	428	8,5%	34,2%	371	10,7%
Hoàn nhập/chi phí dự phòng rủi ro	79	1,8%	-5	-0,1%	-106%	3	0,1%
Tổng chi phí hoạt động	4.392	100%	5.052	100%	15,0%	3.473	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB

c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán BCTC: Không có.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn như sau:

1.2.1 Những nhân tố thuận lợi

Các yếu tố vĩ mô thuận lợi giúp nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng tiếp đà tăng trưởng.

Giai đoạn 2022 - 2023, trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt với nhiều khó khăn cùng nhiều yếu tố bất định, kinh tế Việt Nam vẫn phục hồi mạnh mẽ, nằm trong Top các nền kinh tế có GDP tăng trưởng cao của khu vực và trên thế giới. Kết quả này đến từ tổng hòa các giá trị và lợi thế như: tình hình chính trị ổn định, nền kinh tế với những động lực phát triển nhanh, thị trường tiêu thụ lớn, sức hút nguồn vốn FDI mạnh, nhiều hiệp định thương mại tự do hậu thuẫn cho hoạt động xuất nhập khẩu,... Cùng đó, Việt Nam đã khẳng định năng lực thích ứng với những biến động, có các chính sách linh hoạt và kịp thời để hỗ trợ nền kinh tế vượt qua những thách thức và tiếp đà phục hồi.

Báo cáo cập nhật của Ngân hàng Thế giới (WB) vừa qua cũng nhấn mạnh: Việt Nam còn dư địa để triển khai các biện pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng, không như nhiều quốc gia khác. Thực hiện

hiệu quả các dự án đầu tư công trọng điểm là một chìa khóa tăng trưởng trong cả ngắn và dài hạn. Đồng thời, chính sách tài khóa và tiền tệ phải đồng bộ để đảm bảo hỗ trợ nền kinh tế, và đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô hiệu quả.

Chính phủ, NHNN cùng các Bộ ngành cũng đã và đang bám sát thực tiễn để có các giải pháp linh hoạt, kịp thời và hợp lý, gắn với mục tiêu ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Gắn với tăng trưởng kinh tế vĩ mô tích cực, ngành ngân hàng đã đạt được những bước tiến quan trọng trong nâng cao năng lực tài chính, bảo đảm an toàn và hiệu quả hoạt động, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững trong trung dài hạn. Các cơ sở pháp lý tiếp tục được hoàn thiện, cùng việc áp dụng các chuẩn mực Basel không chỉ giúp các ngân hàng tăng cường năng lực vốn mà còn nâng cao năng lực quản trị điều hành, đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển và hội nhập quốc tế. Chất lượng tài sản của hệ thống được kỳ vọng sẽ tiếp tục cải thiện khi quá trình xử lý nợ xấu được thúc đẩy và đạt kết quả tích cực giai đoạn vừa qua, tỷ lệ bao phủ nợ xấu toàn ngành tiếp tục xu hướng gia tăng.

Trong năm 2022, Chính phủ đã ban hành Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”, NHNN đã ban hành chương trình hành động, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tăng vốn của các NHTM, tiếp tục các giải pháp phòng ngừa tối đa nợ xấu phát sinh, đồng thời khuyến khích và thúc đẩy quá trình tái cơ cấu hệ thống. Với việc thực hiện những giải pháp đồng bộ, thị trường và hoạt động ngân hàng đang ngày càng minh bạch, chuyên nghiệp, khẳng định vai trò chủ chốt trong nền kinh tế.

Theo thống kê năm 2021 của nền tảng nghiên cứu Merchant Machine của Anh, Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia có tỷ lệ người dân tiếp cận dịch vụ ngân hàng thấp nhất thế giới, với khoảng 70% tổng dân số không được tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng truyền thống hoặc tổ chức tài chính tương tự. Tiềm năng phát triển của lĩnh vực tài chính ngân hàng còn rất lớn. Ngành ngân hàng ngày càng mở rộng vai trò quan trọng trong việc kết nối, phân bổ và thúc đẩy nguồn vốn trong nền kinh tế, cũng như trong kết nối và phát triển các dịch vụ tài chính cho sự phát triển và hưng thịnh của đất nước.

Việt Nam là một đất nước đang chuyển mình nhanh với tăng trưởng kinh tế cao, dân trí phát triển, đời sống người dân ngày càng được nâng cao... Tốc độ đô thị hóa nhanh, cùng cơ cấu dân số trẻ với nhận thức xã hội mở và liên tục được cập nhật kiến thức về tài chính ngân hàng, công nghệ đang thúc đẩy mạnh mẽ nhu cầu sử dụng các tiện ích và dịch vụ của các ngân hàng thương mại.

Nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu rộng, tham gia vào nhiều hiệp định thương mại, đặc biệt với những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đang mở ra nhiều cơ hội hợp tác và giao thương giữa các doanh nghiệp trong nước với thế giới. Xu hướng này thúc đẩy sự gia tăng mạnh mẽ số lượng các doanh nghiệp thành lập mới, cũng như các kỷ lục mới về kim ngạch xuất nhập khẩu, gắn với nhu cầu vốn và các dịch vụ tài chính gia tăng mà hệ thống ngân hàng thương mại đang đóng vai trò kết nối chủ lực.

Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang chuyển mình theo làn sóng chuyển đổi số mở rộng và mạnh mẽ, với những đột phá trong công nghệ số và trí tuệ nhân tạo. Làn sóng này

đang và sẽ thúc đẩy hệ thống ngân hàng tiến tới tối ưu hóa hơn nữa trong quản lý và vận hành, trong xây dựng và phát triển các sản phẩm và dịch vụ, cũng như thúc đẩy áp lực và năng lực cạnh tranh để cùng hướng tới những giá trị mới, những giá trị cao hơn.

Nhận thức được tầm quan trọng và tiềm năng của Công nghệ, tại Diễn đàn Cấp cao Công nghệ thông tin - Truyền thông Việt Nam (Vietnam ICT Summit) năm 2018, Chính phủ đã coi “Cách mạng Công nghiệp 4.0 là cơ hội lịch sử của Việt Nam” giúp đất nước đột phá theo định hướng “Chính phủ số và Kinh tế số”. Đây là một động lực quan trọng cho hoạt động kinh doanh, động lực cho cạnh tranh tích cực vì lợi ích cho nền kinh tế, cho người tiêu dùng, cộng đồng và xã hội. Đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong ngành tài chính ngân hàng nói riêng, khoa học công nghệ ngày càng phát triển và hiện đại đòi hỏi ứng dụng các công nghệ một cách nhanh chóng, hiệu quả; đặt ra những cơ hội và cả thách thức cho các nhà điều hành, quản trị chiến lược.

Sự chuyên giao công nghệ và tự động hóa giữa các ngân hàng và các công ty tài chính công nghệ (Fintech) tăng dần, dẫn đến sự liên doanh, liên kết giữa các ngân hàng để bổ sung cho nhau những công nghệ mới; nhờ vậy hệ thống kỹ thuật- công nghệ của ngành ngân hàng ngày càng được nâng cấp và trang bị hiện đại để đáp ứng nhu cầu cao hơn của khách hàng, qua đó phát triển những hệ sinh thái ngày càng đa dạng và đa tầng.

Yếu tố vĩ mô	Tác động lên hệ thống Ngân hàng trong đó có SHB		
	Xu hướng	Trung Hạn	Dài hạn
>Tăng trưởng kinh tế ổn định; cơ cấu tăng trưởng chuyển dịch theo hướng bền vững	Ổn định	Tích cực	Tích cực
>Lạm phát được kiểm soát gắn với chính sách điều hành thận trọng	Ổn định	Tích cực	Tích cực
>Lĩnh vực sản xuất tiềm năng và liên tục được cải thiện	Tăng	Tích cực	Tích cực
>Khu vực tư nhân được đề cao, khẳng định động lực quan trọng dẫn dắt tăng trưởng	Tăng	Tích cực	Tích cực
Hấp thụ dòng vốn đầu tư dài hạn	Tăng	Tích cực	Tích cực
>Cơ cấu dân số lao động trẻ tăng và có xu hướng chuyển dịch sang vùng kinh tế trọng tâm	Tăng	Tích cực	Tích cực
>Thương mại XNK chịu nhiều áp lực ngắn hạn từ xung đột lợi ích thương mại toàn cầu giữa các nước lớn	Tăng	Tiêu cực	Ổn định
>Tham gia các hiệp định thương mại toàn cầu giúp Việt Nam ngày càng tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu	Cải thiện	Tích cực	Tích cực

1.2.2 Những yếu tố bất lợi

Thứ nhất, tín dụng khởi sắc tiềm ẩn nguy cơ tăng trưởng nóng đi kèm rủi ro nợ xấu gia tăng và hiệu quả thấp do dự phòng rủi ro tăng.

Thứ hai, gia tăng các rủi ro tội phạm công nghệ liên quan tới quá trình chuyển đổi số do ứng dụng công nghệ trong giao dịch và quản lý thông tin, dữ liệu khiến ngân hàng trở thành đối tượng ưa thích của tội phạm công nghệ với tần suất, quy mô và mức độ ngày càng tinh vi hơn.

Thứ ba, lực cạnh tranh về vốn, phát triển sản phẩm, quản trị rủi ro... vẫn tiếp tục trong ngành ngân hàng. Các ngân hàng cần đáp ứng các chỉ số an toàn theo các chuẩn mực quản trị rủi ro tiên tiến trong khi các điều kiện tăng vốn không mấy khả quan. Bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang còn trong quá trình phục hồi, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 ở mức 5,05%, thách thức về tỷ giá và lãi suất vẫn còn lớn.

Cuối cùng, tốc độ phát triển nhanh chóng của Fin-tech ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các KHICN với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay... tương tự như các dịch vụ ngân hàng. Đồng thời, tạo nên các thách thức như: vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền lợi người tiêu dùng, nguy cơ rửa tiền và tài trợ khủng bố... trực tiếp tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh ngành ngân hàng trong thời kỳ hiện đại.

1.2.3 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kinh tế toàn cầu năm 2024 tăng trưởng ở mức thấp nhưng lạm phát đã giảm về gần mức mục tiêu của các Ngân hàng trung ương trên thế giới. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều biến số khó đoán định như: căng thẳng địa chính trị gia tăng tại Trung Đông; các cuộc tấn công trên Biển Đỏ - một phần của tuyến vận tải huyết mạch Đông-Tây của thế giới; chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine vẫn tiếp diễn; rủi ro suy thoái kinh tế; tác động lệch pha của chính sách tiền tệ thắt chặt tại hầu hết các quốc gia trên thế giới... Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao nên không thể tránh khỏi ảnh hưởng của những biến động trên toàn cầu nhưng với quyết tâm duy trì sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ đã và đang chỉ đạo Bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Chính vì thế, kinh tế - xã hội nước ta vẫn được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá tích cực trong năm 2024.

Ngành ngân hàng năm 2024 vẫn có triển vọng khả quan, tuy nhiên một số thách thức vẫn còn trước mắt: kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, NHNN sử dụng điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt để kiềm chế lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tốc độ hồi phục của NIM chậm hơn dự kiến, chất lượng tài sản có phần giảm sút trong khi bộ đệm dự phòng thu hẹp khiến dư địa xử lý nợ năm 2024 tương đối hạn chế. Ngoài ra, cuộc đua miễn, giảm phí dịch vụ đang trở thành xu hướng mạnh mẽ để thu hút CASA giữa các ngân hàng làm giảm thu nhập phí, nợ xấu toàn ngành có dấu hiệu tăng do tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức thấp, thị trường bất động sản kém sôi động... ảnh hưởng đến lợi nhuận của toàn ngành.

Ngày 18/1/2024, Quốc hội đã thông qua Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. Luật này có nhiều thay đổi quan trọng, được kỳ vọng góp phần giúp hoạt động của các TCTD an toàn, phát triển lành mạnh và bền vững, tăng tính minh bạch và giám sát đại chúng đối với các TCTD (kể cả các TCTD chưa niêm yết). Cụ thể: (i) nhiều quy định về hoạt động của các TCTD đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng hỗ trợ việc tiếp cận tín dụng cho người dân và doanh nghiệp như: các

khoản vay nhỏ (thẻ tín dụng, vay tiêu dùng...) không cần yêu cầu phải có phương án sử dụng vốn khả thi, cho phép cấp dịch vụ bao thanh toán miễn truy đòi (hiện nay chỉ có dạng “có truy đòi”), NHTM được dùng đại lý thanh toán và được làm đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, TCTD nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài...; (ii) góp phần kiến tạo cho một số hoạt động mới phù hợp xu thế chuyển đổi số như cho phép cho vay trực tuyến, giao dịch điện tử, cơ chế thử nghiệm (Sandbox) đối với Fintech trong lĩnh vực ngân hàng; (iii) các quy định về tỷ lệ sở hữu tối đa của một cổ đông và một nhóm cổ đông liên quan tại một TCTD được thay đổi theo hướng chặt chẽ hơn. Cụ thể, một cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 5%, một tổ chức không sở hữu vượt quá 10% (trước đây: 15%) và một nhóm cổ đông liên quan không sở hữu vượt quá 15% (trước đây: 20%) vốn điều lệ của một TCTD...

Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2023, SHB kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng Top đầu ở Việt Nam và vươn tầm quốc tế. Song hành với các thuận lợi và thách thức của nền kinh tế, ngành Ngân hàng nói chung và SHB nói riêng vẫn có các cơ hội để phát triển, tăng trưởng, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định và tăng trưởng tốt.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Hoạt động ngành nghề đặc thù, ngoài các khoản cho vay tín dụng và tiền gửi của các bên liên quan (NHNN, TCTD khác và tiền gửi của khách hàng) thì Ngân hàng còn có một số công nợ phải thu và phải trả khác, chi tiết như sau:

Bảng 52: Các khoản phải thu và phải trả khác (Công ty mẹ)

TT	Các khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Nợ phải thu	44.512	34.820	32.654
1	Các khoản phải thu	28.454	18.109	12.447
2	Các khoản lãi, phí phải thu	15.232	13.553	18.739
3	Tài sản có khác	945	3.240	1.605
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-119	-82	-137
II	Nợ phải trả	11.341	15.966	13.506
1	Các khoản lãi, phí phải trả	8.907	13.954	10.777
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.434	2.012	2.729

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Bảng 53: Các khoản phải thu và phải trả khác (Hợp nhất)

TT	Các khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
I	Nợ phải thu	45.573	35.954	34.549
1	Các khoản phải thu	29.226	18.861	13.343
2	Các khoản lãi, phí phải thu	15.296	13.949	19.763
3	Tài sản có khác	1.178	3.230	1.585
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-127	-86	-142
II	Nợ phải trả	11.793	16.269	13.860
1	Các khoản lãi, phí phải trả	9.069	14.026	10.891
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.694	2.207	2.969
3	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	30	36	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 54: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 30/09/2024

TT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Ngày phát hành	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2023					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHBLH2330001	2.448.100.000.000	27/12/2023	Thả nổi	7 năm	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
II	Năm 2024					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	SHBL2427001	2.000.000.000.000	08/7/2024	Cố định	3 năm	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
2	SHBL2427002	1.000.000.000.000	17/7/2024	Cố định	3 năm	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, không

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

						phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
3	SHBL2427003	1.000.000.000.000	05/8/2024	Cố định	3 năm	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.
Tổng		6.448.100.000.000				

Nguồn: SHB

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

SHB thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các loại phí theo quy định của Nhà nước.

Bảng 55: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2022	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/09/2024
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	6	13	65	72	6
Thuế TNDN	1.703	1.136	1.716	1.736	1.116
Thuế khác	49	24	386	393	17
Tổng	1.758	1.173	2.167	2.201	1.139

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2024 của SHB

Bảng 56: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2022	Số dư tại 31/12/2023	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/09/2024
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	8	14	72	79	7
Thuế TNDN	1.747	1.218	1.724	1.825	1.117
Thuế khác	56	26	407	414	19
Tổng	1.811	1.258	2.203	2.318	1.143

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2024 của SHB

2.1.4. Trích lập các quỹ

SHB thực hiện trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

Tình hình trích lập các quỹ từ LNST của SHB như sau:

Bảng 57: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2022	Năm 2023
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	236,5	381,7
2	Quỹ dự phòng tài chính	473,1	763,4
3	Quỹ khen thưởng	-	60
4	Quỹ phúc lợi	-	45
Tổng		709,6	1.250,1

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 và năm 2023 của SHB

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2024, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: tình trạng bất ổn an ninh, chính trị leo thang tại một số quốc gia, khu vực; lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; thương mại, đầu tư toàn cầu phục hồi chậm, nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ thắt chặt... Nền kinh tế Việt Nam duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Tuy vậy, thị trường tài chính Việt Nam những tháng đầu năm 2024 chứng kiến những diễn biến khó lường của tỷ giá USD/VND, giá vàng leo thang, cung tiền và lãi suất điều hành... Hoạt động kinh doanh ngân hàng của SHB theo đó cũng bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, SHB đã và đang tích cực thực hiện các biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro đồng thời nỗ lực tối đa để tập trung kinh doanh hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 58: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	26.674	30.674	36.194
Vốn tự có	tỷ Đồng	48.582	58.406	66.682
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	11,05%	11,71%	11,84%
2. Chất lượng tài sản				

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,48%	3,59%	4,27%
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,57%	2,22%	2,61%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	71,16%	69,06%	69,28%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	92,10%	90,19%	93,01%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,99%	14,98%	16,34%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	27,60%	27,60%	26,07%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	76,90%	77,83%	77,58%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,19%	24,55%	19,79%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,30%	1,83%	1,57%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	4,70%	6,61%	3,48%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,04%	1,46%	1,27%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,16%	19,65%	16,00%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	-	-	-
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	14,81%	9,26%	9,49%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	8,18%	7,42%	21,07%

Nguồn: SHB

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Bảng 59: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	<i>tỷ Đồng</i>	26.674	30.674	36.194
Vốn tự có	<i>tỷ Đồng</i>	53.114	62.722	70.182
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	11,86%	12,22%	12,20%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,4%	4,6%	4,1%
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,69%	2,49%	2,70%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	73,2%	71,9%	71,0%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	92,0%	90,3%	93,6%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	16,6%	16,6%	18,9%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	28,9%	27,6%	26,1%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	76,9%	77,8%	77,6%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,0%	24,7%	19,9%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,4%	1,8%	1,6%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,7%	3,6%	3,6%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,1%	1,5%	1,3%

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,8%	19,7%	16,1%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.803	2.520	2.555
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	2,2%	3,0%	9,0%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	9,4%	9,2%	12,2%

Nguồn: SHB

Lưu ý: Các chỉ tiêu nêu trên được SHB áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Chấp nhận toàn phần, chi tiết tại mục 3 dưới đây.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH KPMG Việt Nam là tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2022 của SHB. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 và soát xét BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2024 của SHB. Ý kiến của các tổ chức kiểm toán tại các BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC soát xét giữa niên độ năm 2024 đều là ý kiến chấp nhận toàn phần. Cụ thể như sau:

• **BCTC năm 2022 đã kiểm toán**

- Báo cáo kiểm toán BCTC riêng số 22-02-0089-23-3 ngày 22/3/2023:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Ngân hàng, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

- Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất số 22-02-0089-23-4 ngày 22/3/2023:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SHB cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

• **BCTC năm 2023 đã kiểm toán**

- Báo cáo kiểm toán BCTC riêng số 0878/VN1A-HN-BC ngày 29/3/2024:

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.

- Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất số 0879/VN1A-HN-BC ngày 29/3/2024:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

● BCTC giữa niên độ năm 2024 đã soát xét

- Báo cáo soát xét BCTC riêng giữa niên độ số 0306/VN1A-HN-BC ngày 29/08/2024:

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ”.

- Báo cáo soát xét BCTC hợp nhất giữa niên độ số 0311/VN1A-HN-BC ngày 29/08/2024:

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”.

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

- Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành

- Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm: Moody's Investors Service
- Thời điểm xếp hạng: 25/04/2023
- Nguồn thông tin: Website của Moody's Investors Service
- Kết quả xếp hạng: chi tiết tại mục 8.4.2 thuộc Mục IV.8 - Vị thế của SHB trong ngành

- Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Trái Phiếu đăng ký chào bán: Không có

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

a) Chỉ tiêu

Bảng 60: Kế hoạch lợi nhuận năm 2024

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2023
Thu nhập lãi thuần (*)	19.285	20.848	8,1%
Lợi nhuận trước thuế	9.239	11.286	22,2%
Lợi nhuận sau thuế (*)	7.325	9.029	23,3%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Thu nhập lãi thuần (*)	37,98%	43,3%	5,3%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (*)	15,75%	16,5%	0,8%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%, trong đó 5% bằng tiền mặt và 11% bằng cổ phiếu	18%	2%

Nguồn: Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên 2024.

(*) số liệu cơ sở để SHB tính toán các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Ban Điều hành do HĐQT trình ĐHDCĐ thường niên năm 2024.

b) Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2024, SHB xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:
 - o Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng; gia tăng cho vay khách hàng trong hệ sinh thái, chủ yếu KHCN và SME, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
 - o Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ Casa để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;
 - o Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch vụ của SHB, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi;
 - o Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu < 3%;
 - o Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động.
 - o Dẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.
- Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2024

- Kết quả kinh doanh năm 2024 của ngân hàng;
- Nhu cầu nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng;
- Phê duyệt của cấp có thẩm quyền (chấp thuận của NHNN trong trường hợp SHB chia cổ tức bằng cổ phiếu)

c) Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, SHS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức của SHB.

SHB có mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch phủ sóng khắp cả nước và khu vực. Song song với đó, Ngân hàng đã bắt kịp xu thế số hóa trong công nghệ ngân hàng để nhanh chóng tận dụng lợi thế sẵn có. Chúng tôi cũng đánh giá cao đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Ngân hàng có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết đối với sự phát triển của SHB.

Giai đoạn 09 tháng đầu năm, SHB ghi nhận thu nhập lãi thuần và lợi nhuận trước thuế hợp nhất lần lượt đạt 12.844 tỷ đồng và 9.048 tỷ đồng, hoàn thành 80,17% kế hoạch lợi nhuận năm 2024. Đặc biệt, Ngân hàng tiếp tục duy trì tỷ lệ chi phí trên doanh thu CIR thấp nhất ngành, đạt 24,68%.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của SHB, SHS cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng dự kiến cho năm 2024 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà Đầu Tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của SHB.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 (ba) năm tiếp theo

Ngoài Các Trái Phiếu dự kiến đăng ký chào bán theo Bản Cáo Bạch này, SHB chưa có kế hoạch cụ thể về việc chào bán trái phiếu trong 03 năm tới, các đợt chào bán trái phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được HĐQT Ngân hàng thông qua trên cơ sở kế hoạch kinh doanh từng năm.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Mục VI này bao gồm các điều kiện, điều khoản Trái Phiếu được chào bán, sau đây được gọi là “Các Điều Kiện Trái Phiếu”.

Bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

Trái Phiếu được phát hành thành nhiều Đợt. Theo đó, tại mỗi Đợt chào bán, trừ khi được quy định khác đi thì các quy định đối với và liên quan đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được hiểu là đề cập đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc quy định cho Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu của Đợt chào bán tương ứng đó.

1. Các Văn Bản Pháp Lý Liên Quan Đến Đợt Chào Bán

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 18/01/2024 (“**Luật TCTD**”);
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (“**Thông tư 118**”);
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“**Thông tư 41**”);
- Thông tư số 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41 (“**Thông tư 22/2023**”);
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“**Thông tư 22/2019**”) và các quy định khác có liên quan;
- Thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“**Thông tư 09**”);
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN Quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)) (“**Thông tư 01**”);
- Quyết định số 649/QĐ-NHNN ngày 15/4/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tiền tệ thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“**Quyết định 649**”);
- Nghị quyết số 14/2024/NQ-HDQT ngày 06/06/2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội thông qua Phương án phát hành Trái phiếu SHB ra công chúng nhằm mục đích tăng vốn cấp 2 năm 2024 (“**Nghị Quyết 14/2024**”);

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

- Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐQT ngày 23/09/2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TCMP Sài Gòn – Hà Nội thông qua triển khai Phương án Phát hành Trái phiếu SHB ra công chúng năm 2024 và chi tiết Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu (“**Nghị Quyết 21/2024**”); và
- Các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Định nghĩa

Các thuật ngữ trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này nếu không được định nghĩa khác đi thì có nghĩa như sau:

- “**Công Ty Con**” của Tổ Chức Phát Hành có nghĩa quy định tại Khoản 9 Điều 4 của Luật TCTD và trong trường hợp điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ theo quy định của điều được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
- “**Điều Lệ**” có nghĩa là điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại từng thời điểm.
- “**Đồng**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.
- “**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**” có nghĩa là Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS), một tổ chức được Tổ Chức Phát Hành chỉ định theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu, sẽ thực hiện việc đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển quyền sở hữu đối với Các Trái Phiếu trước khi Các Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSDC và được niêm yết trên hệ thống giao dịch của HNX. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, chấp thuận chỉ định SHS là Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ban đầu như trên. Việc thay thế Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- “**HNX**” có nghĩa là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- “**Gốc**” hoặc “**Khoản Gốc**” có nghĩa là giá trị tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa thanh toán.
- “**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 06 (sáu) tháng liên tục trong thời hạn Trái Phiếu, theo đó Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên Khoản Gốc cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu từ và bao gồm Ngày Phát Hành và kết thúc vào, nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên. Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi liền trước và kết thúc vào nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi đó hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn (nếu có) hoặc ngày mà Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn.
- “**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**”, liên quan đến việc chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:
 - (i) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký, lưu ký tại VSDC:
 - a. là Ngày Làm Việc thứ 10 (mười) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày đến hạn khác; hoặc

- b. là Ngày Làm Việc do Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thông báo để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền tham dự Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản hoặc các trường hợp khác cần xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (ii) Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSDC:
- là Ngày Làm Việc do Tổ Chức Phát Hành hoặc VSDC trên cơ sở ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành ấn định để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền (quyền nhận Gốc, Lãi Trái Phiếu, quyền tham dự Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản, quyền yêu cầu mua lại trước hạn, các quyền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này) phù hợp với thông báo của Tổ Chức Phát Hành, VSDC và quy định của pháp luật.
- “**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ kể cả nghỉ bù mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường theo quy định của pháp luật Việt Nam.
 - “**Ngày Phát Hành**” có nghĩa là ngày kết thúc mỗi Đợt chào bán Trái Phiếu.
 - “**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là mỗi ngày tròn 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, với điều kiện là (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ là ngày tròn 06 (sáu) tháng thứ nhất kể từ Ngày Phát Hành, và (ii) Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng sẽ là Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn (nếu có) hoặc ngày mà Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn.
 - “**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**” là bất kỳ Ngày Làm Việc nào kể từ ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành mà Tổ Chức Phát Hành thông báo thực hiện mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 16.2.
 - “**Ngày Đáo Hạn**” có nghĩa là Ngày Đáo Hạn của mỗi Trái Phiếu.
 - “**Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu SHBC7Y202401**” có nghĩa là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu SHBC7Y202401.
 - “**Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu SHBC7Y202402**” có nghĩa là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu SHBC7Y202402.
 - “**Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi một hoặc nhiều Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hoặc thông qua theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản theo tỷ lệ quy định tại Điểm 24.1 Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
 - “**Nghị Quyết Về Phương Án Phát Hành**” có nghĩa bao gồm Nghị Quyết 14/2024 và Nghị Quyết 21/2024.
 - “**Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là (i) tổ chức/cá nhân được đăng ký là người sở hữu Trái Phiếu trong Sổ Đăng Ký (khi Trái Phiếu chưa được đăng ký, lưu ký tại VSDC), hoặc (ii) tổ chức/cá nhân được xác định là chủ sở hữu hợp pháp của Trái Phiếu đó theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSDC và INX (khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tại VSDC).